

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HSST

Ngày 29/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**
- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh** là Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Bá Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 44/2019/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thị L, sinh năm 1990 tại Bà Rịa Vũng Tàu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 34/129 khu phố H, thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12. dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn T, sinh năm: 1957 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1962. Có chồng Lê Văn L1, sinh năm: 1986; Có 03 con, lớn nhất sinh năm: 2005, nhỏ nhất sinh ngày 16/4/2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 30/6/2019 đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ **Bị hại: Chị Nguyễn Thị Lệ Q sinh năm: 1974**

Nơi cư trú: 235/3B ấp Dốc Mơ 2, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ **Người làm chứng:**

1. Bà Vũ Thị L2 sinh năm: 1964

Nơi cư trú: ấp D, xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Đỗ Tam Nhật T1 sinh năm: 1987

Nơi cư trú: ấp D, xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Q, bà L2 và anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 30/6/2019, bị cáo Lê Thị L đón xe ô tô đến khu vực chợ D thuộc ấp D, xã Gi, huyện Thống Nhất với mục đích để tìm việc làm. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo đi bộ vào các gian hàng trong chợ D thì thấy có chị Nguyễn Thị Lệ Q đang đứng khom lưng mua tôm do bà Vũ Thị L1 bán, quan sát thấy trong túi áo khoác bên phải của chị Q có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen, bị cáo đi đến lén lút dùng tay phải lấy trộm điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus của chị Q. Sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo L đi ra hướng đường bên hông chợ được khoảng 20m thì bị chị Q cùng bà L1 phát hiện và yêu cầu đi đến để kiểm tra. Do sợ bị phát hiện nên bị cáo đã vứt điện thoại xuống đất thì bị chị Q, bà L1 và anh Đỗ Tam Nhật T1 bắt giao cho Công an xã Gi bắt giữ quả tang đối với bị cáo và thu giữ vật chứng của vụ án là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen. Ngay sau đó, Công an xã Gi đã bàn giao bị cáo L và toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất xử lý theo thẩm quyền (Bút lục số 1-2).

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (Bút lục số 49-54).

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 648/KL-HĐĐG ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thống Nhất, kết luận 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen có giá là 8.394.000đ (tám triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 47/QĐ-VKS.TN ngày 12/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố bị cáo Lê Thị L về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố bị cáo. Về tình tiết tăng nặng bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được trao trả cho chủ sở hữu, bị hại có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo đang nuôi con nhỏ, có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

Từ những căn cứ trên, áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Chị Nguyễn Thị Lệ Q đã nhận lại tài sản bị trộm cắp không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với bị cáo và không có ý kiến, tranh luận gì khác.

Bị hại chị Nguyễn Thị Lệ Q quá trình truy tố không có ý kiến về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát vừa truy tố đối với bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì. Ngoài ra, chị Q không có ý kiến gì khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị L đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Vào sáng ngày 30/6/2019, tại khu vực chợ D thuộc ấp D, xã Gia, huyện Thống Nhất lợi dụng sự sơ hở của chị Nguyễn Thị Lệ Q đang đứng khom lưng mua tôm do bà Vũ Thị L1 bán, bị cáo Lê Thị L đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen của chị Q. Trị giá tài sản thiệt hại theo Kết luận định giá tài sản số 648/KL-HĐĐG ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thống Nhất xác định là 8.394.000đ (tám triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Hành vi như trên của bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tài sản đã được thu hồi trao trả cho chủ sở hữu, bị hại có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần áp dụng để xem xét khi lượng hình cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, hiện đang nuôi ba con nhỏ (con nhỏ nhất sinh ngày 16/4/2016) nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định của pháp luật là đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Lệ Q đã nhận lại tài sản bị trộm cắp không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị L** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 328 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

Giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo Lê Thị L trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Thị L phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND H. Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- CA h. Thống Nhất;
- Chi cục THA h. Thống Nhất;
- Bị hại; Bị cáo;
- UBND thị trấn L; huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Lưu HS.

Vũ Mạnh Cường